

Số *116*/QĐ- KSBT

Ninh Bình, ngày 09 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán NSNN năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2016 ;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ- CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước ;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT- BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT- BTC ;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ- SYT ngày 29/6/2025 của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính Kế toán Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình (*Có phụ lục kèm theo*).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Trưởng phòng Tài chính kế toán, Kế toán trưởng, các khoa/phòng có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban giám đốc Trung tâm;
- Các khoa/phòng đơn vị;
- Trang thông tin điện tử của đơn vị;
- Lưu TCKT, VT.

GIÁM ĐỐC



Lê Hoàng Nam

PHỤ LỤC
CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị sử dụng NSNN: **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình**

Mã ĐVSDNS: 1079160

(Kèm theo Quyết định số: **1113** /QĐ-KSBT ngày 09/07/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình)

Chương: 423

Đ.v tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(571.000.000)	
I	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	(571.000.000)	
1	Y tế khác: Loại 130 khoản 139	(571.000.000)	
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (Mã nguồn 13)	(311.000.000)	
1.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 12)	(260.000.000)	
	Hoạt động mua sắm	(110.000.000)	
	Hoạt động sửa chữa	(150.000.000)	